

PHỤ LỤC 1
(Kèm theo công văn số: 76/BC-SGDĐT ngày 14/6/2018)

BÁO CÁO
Quy mô trường lớp, học sinh
Năm học: 2017-2018

STT	Huyện	Số đơn vị cấp xã	Số trường tiểu học		Số trường PT có lớp TH		Số trường quốc tế	Số lớp	Số HS	Học sinh dân tộc thiểu số		Học sinh khuyết tật (C.Biệt và H.Nhập)		Số HS học 2 buổi/ngày		Số HS lớp 3, 4, 5 học ngo
			Công lập	Tư thực	Công lập	Tư thực				SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL
1	TP. Cao Lãnh	15	27	0	0	0	0	420	13033	0	0,00	29	0,22	12085	92,73	8187
2	TP. Sa Đéc	9	14	0	0	0	0	259	9051	0	0,00	18	0,20	9051	100,00	5708
3	TX. Hồng Ngự	7	13	0	2	0	0	284	7521	0	0,00	5	0,07	3230	42,95	4138
4	H. Tân Hồng	9	24	0	2	0	0	391	8560	0	0,00	34	0,40	5729	66,93	5269
5	H. Hồng Ngự	11	30	0	0	0	0	495	12202	0	0,00	81	0,66	5947	48,74	6427
6	H. Tam Nông	12	27	0	2	0	0	404	9509	0	0,00	23	0,24	3513	36,94	5854
7	H. Thanh Bình	13	32	0	0	0	0	551	13342	0	0,00	12	0,09	3718	27,87	8387
8	H Cao Lãnh	18	34	0	6	0	0	590	15699	0	0,00	121	0,77	7762	49,44	9868
9	H. Tháp Mười	13	30	0	2	0	0	524	11851	0	0,00	140	1,18	8167	68,91	7362
10	H. Lấp Vò	13	30	0	0	0	0	507	14306	0	0,00	70	0,49	7685	53,72	9088
11	H. Lai Vung	12	25	0	0	0	0	474	13184	0	0,00	12	0,09	5354	40,61	8310
12	H. Châu Thành	12	25	0	0	0	0	405	11422	0	0,00	23	0,20	6283	55,01	7194
Tổng		144	311	0	14	0	0	5304	139680	0	0,00	568	0,41	78524	56,22	85792

(Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh, có một trường chuyên biệt (Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh) gồm 22 lớp với 225 học sinh.)

Ghi chú:

1. Những kết quả nổi bật

- Qui mô, mạng lưới trường, lớp ổn định, tiếp tục được củng cố phát triển hợp lý đáp ứng tốt nhu cầu học tập của nhân dân; khu vực xa được quan tâm đầu tư; các chế độ chính sách của nhà nước đối với GV, HS được bảo đảm theo qui định hiện hành.

- Trên cơ sở qui hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và thực tế giáo dục các địa phương trong tỉnh, Sở với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh tiến hành rà soát, điều chỉnh qui hoạch mạng lưới cơ sở địa phương, trình UBND tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh qui hoạch.

- Năm học 2017 - 2018, Đồng Tháp thực hiện môn Tiếng Anh cấp tiểu học có 311 trường (tỉ lệ 100%), với 3 274 lớp và 88 208 HS. Thực hiện dạy Tiếng Anh tăng cường có giáo viên người nước ngoài từ lớp 1 đến lớp 5 tại 17 trường (tăng 09 trường) với 90 lớp (tăng học sinh (tăng 1 507 học sinh). Trong đó, có 13 trường (tăng 02 trường) tổ chức cho học sinh học Tiếng Anh bằng hình thức xã hội học 1 và lớp 2 với 47 lớp (tăng 05 lớp), 1 679 học sinh (tăng 259 học sinh) tham gia. Toàn tỉnh có 08 giáo viên nước ngoài tham gia giảng

- Đồng Tháp thực hiện môn Tin học cấp tiểu học có: số HS học Tin học 36 729 đạt tỉ lệ 41,86%.

- Có 88 trường tiểu học/311 trường tổ chức 100% HS học 2 buổi/ngày, chiếm 28,30% (tăng 2,75% so với cùng kì).

2. Những tồn tại, bất cập

Phần lớn, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu cho việc tổ chức 100% các trường thực hiện dạy học 2 buổi/ngày; các trường buổi/ngày chưa có điều kiện thực hiện bán trú nên cha mẹ HS phải đưa rước 04 lần/ngày, mất thời gian... chưa đáp ứng nhu cầu của c

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

IS 5 được ại ngữ	Số HS lớp 3, 4, 5 được học tin học		
	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
	100	6043	72,86
	100	4483	78,54
	88,02	2162	45,99
	99,75	2973	56,29
	84,27	3412	44,63
	97,34	2147	35,70
	100	2327	27,75
	99,89	2595	26,76
	100	3057	41,52
	100	2609	28,71
	100	2190	26,35
	100	2731	37,96
97,78	36729	41,86	

rc vùng sâu, vùng

GDĐT đã phối hợp
sở giáo dục của

ở ở lớp 1, 2, 3, 4, 5.
; 39 lớp) và 3 112
à cho học sinh lớp
dạy tại các trường.

g dạy học 2
ha mẹ HS.

PHỤ LỤC 2
(Kèm theo công văn số: 76/BC-SGDĐT ngày 14/6/2018)

BÁO CÁO
Cán bộ quản lý, giáo viên, cơ sở vật chất
Năm học: 2017-2018

STT	Huyện	Số trường	Giáo viên		Số trường có đủ giáo viên chuyên biệt										Tỉ lệ phòng học/lớp
			Số lượng	Tỉ lệ GV/lớp	Số trường có đủ giáo viên Âm nhạc		Số trường có đủ giáo viên Mĩ thuật		Số trường có đủ giáo viên Thể dục		Số trường có đủ giáo viên Ngoại ngữ		Số trường có đủ giáo viên Tin học		
					SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	
1	TP. Cao Lãnh	27	613	1,46	27	100,00	27	100,00	27	100,00	27	100,00	17	62,96	1,05
2	TP. Sa Đéc	14	356	1,37	14	100,00	14	100,00	14	100,00	14	100,00	8	57,14	1,01
3	TX. Hồng Ngự	13	360	1,27	9	69,23	11	84,62	12	92,31	12	92,31	7	53,85	0,76
4	H. Tân Hồng	24	528	1,35	24	100,00	24	100,00	23	95,83	24	100,00	10	41,67	1,05
5	H. Hồng Ngự	30	651	1,32	30	100,00	29	96,67	29	96,67	19	63,33	8	26,67	0,80
6	H. Tam Nông	27	506	1,25	17	62,96	22	81,48	26	96,30	14	51,85	8	29,63	0,82
7	H. Thanh Bình	32	716	1,30	32	100,00	32	100,00	32	100,00	32	100,00	7	21,88	0,75
8	H Cao Lãnh	34	778	1,32	34	100,00	34	100,00	34	100,00	33	97,06	2	5,88	0,87
9	H. Tháp Mười	30	700	1,34	30	100,00	30	100,00	30	100,00	30	100,00	9	30,00	0,80
10	H. Lấp Vò	30	684	1,35	27	90,00	30	100,00	30	100,00	30	100,00	5	16,67	0,84
11	H. Lai Vung	25	628	1,32	25	100,00	25	100,00	25	100,00	25	100,00	5	20,00	0,76
12	H. Châu Thành	25	535	1,32	19	76,00	24	96,00	25	100,00	25	100,00	4	16,00	0,84
TỔNG		311	7055	1,33	288	92,60	302	97,11	307	98,71	285	91,64	90	28,94	0,86

Ghi chú:

1. Những kết quả nổi bật

- Năng lực đội ngũ CBQL và GV tiểu học ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.
- Giáo viên đạt chuẩn 100%, trên chuẩn cao 94,41%, bố trí đủ số lượng từ 1,2 đến 1,5 giáo viên/lớp.

Học sinh Đất Sen Hồng hướng tới "Tự tin, tự lực, biết phản biện, gắn kết thực tiễn, định hướng tương lai".

- Nội dung dạy học được thực hiện theo hướng tinh giảm, tiếp cận định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới; đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và đánh giá HS.

- Sở GDĐT thường xuyên chỉ đạo các đơn vị dạy học gắn liền với thực tiễn, nhân rộng những mô hình hay, sáng tạo cụ thể: lớp, "Em làm hướng dẫn viên du lịch"...

- + Hoạt động giáo dục gắn liền với thực tế của các trường tiểu học.
- + Tổ chức được nhiều câu lạc bộ trong trường học.

+ Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phát sóng chuyên mục "Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp" trên kênh THĐT1, nội dung: Xây dựng Văn hóa học đường gắn với trường học thân thiện; Việc thực hiện "Nói không với văn mẫu"; Mô hình sinh thân thiện trong trường học,...

- + Thường xuyên đăng tin hoạt động giáo dục tiểu học trên website của Sở GDĐT.
- + Tạo nhóm cán bộ quản lý (lãnh đạo, chuyên viên phụ trách tiểu học các Phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố; hiệu trưởng)
- + Phối hợp với Báo Đồng Tháp thực hiện chuyên trang "Giáo dục Đồng Tháp".

2. Những tồn tại, bất cập

- Đội ngũ GV còn thiếu so với yêu cầu, nhất là GV dạy các môn chuyên ở tiểu học.
- Chất lượng đội ngũ của một số đơn vị chưa đều; chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư, song chưa đồng bộ, còn thiếu so với yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học.
- Chưa đủ phòng học để thực hiện 02 buổi/ngày tại tất cả các trường.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

Trường có đủ phòng
chức năng theo Điều
lệ

Số lượng	Tỉ lệ (%)
10	37,04
8	57,14
7	53,85
8	33,33
7	23,33
6	22,22
6	18,75
10	29,41
12	40,00
8	26,67
9	36,00
4	16,00
95	30,55

ương

h nhà vệ

ng, phó

ng giáo

IG THÁP

PHỤ LỤC 3
(Kèm theo công văn số: 76/BC-SGDĐT ngày 14/6/2018)

BÁO CÁO
Kết quả Phổ cập giáo dục - Trường chuẩn quốc gia
Năm học: 2017-2018

STT	Huyện	Tổng số trường	Phổ cập giáo dục tiểu học									Trường chuẩn	
			Đạt mức	Đơn vị cấp xã						Học sinh bỏ học		Chuẩn QG MĐ1	
				Mức độ 1		Mức độ 2		Mức độ 3					
				Số xã	Tỉ lệ	Số xã	Tỉ lệ	Số xã	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	TP. Cao Lãnh	27	3	15	100,00	15	100,00	15	100,00	0	0,000	17	62,96
2	TP. Sa Đéc	14	3	9	100,00	9	100,00	9	100,00	0	0,000	8	57,14
3	TX. Hồng Ngự	13	3	7	100,00	7	100,00	7	100,00	1	0,010	7	53,85
4	H. Tân Hồng	24	2	9	100,00	9	100,00	7	77,78	0	0,000	8	33,33
5	H. Hồng Ngự	30	3	11	100,00	11	100,00	10	90,91	0	0,000	7	23,33
6	H. Tam Nông	27	3	12	100,00	12	100,00	11	91,67	0	0,000	6	22,22
7	H. Thanh Bình	32	3	13	100,00	13	100,00	12	92,31	5	0,040	6	18,75
8	H Cao Lãnh	34	3	18	100,00	18	100,00	18	100,00	0	0,000	9	26,47
9	H. Tháp Mười	30	3	13	100,00	13	100,00	13	100,00	0	0,000	11	36,67
10	H. Lấp Vò	30	3	13	100,00	13	100,00	13	100,00	0	0,000	8	26,67
11	H. Lai Vung	25	3	12	100,00	12	100,00	12	100,00	0	0,000	6	24,00
12	H. Châu Thành	25	3	12	100,00	12	100,00	11	91,67	2	0,018	7	28,00
TỔNG		311	2	144	100,00	144	100,00	138	95,83	8	0,006	100	32,15

Ghi chú:

1. Những kết quả nổi bật

- Công tác phổ cập GDTH luôn được củng cố và duy trì với nhiều biện pháp linh hoạt, sáng tạo ở cơ sở như: Tổ chức tốt Ngày trẻ đến trường hàng năm, tích cực huy động trẻ em 6 tuổi ra lớp 1; thực hiện các biện pháp chống lưu ban, bỏ học trong các trường quy; huy động trẻ em thất học, bỏ học đến trường, lớp với các loại hình phù hợp. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập GDTH, số địa chuẩn phổ cập mức độ 2 và 3 tăng hơn năm trước.

- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đạt vượt chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội lần thứ IX Đảng bộ tỉnh.

2. Những tồn tại, bất cập

- Phần mềm xoá mù chữ chưa thuận lợi cho giáo viên phụ trách phổ cập tại các địa phương.

- Do kinh phí, quỹ đất địa phương còn khó khăn nên công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia chưa được thuận lợi.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG T

ẩn quốc gia

Chuẩn
QGMD2

Số lượng	Tỉ lệ
----------	-------

0	0,00
---	------

1	7,14
---	------

0	0,00
---	------

0	0,00
---	------

0	0,00
---	------

0	0,00
---	------

0	0,00
---	------

0	0,00
---	------

0	0,00
---	------

0	0,00
---	------

0	0,00
---	------

0	0,00
---	------

1	0,32
----------	------

toàn dân đưa
tiểu học chính
a phương đạt

HÁP

PHỤ LỤC 8
(Kèm theo công văn số: 76/BC-SGDĐT ngày 14/6/2018)

BÁO CÁO
Kết quả môn Toán, Tiếng Việt
Năm học: 2017-2018

TT	Huyện	Toán						Tiếng Việt				
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng
1	TP. Cao Lãnh	9200	70,62	3786	29,06	42	0,32	8678	66,61	4295	32,97	55
2	TP. Sa Đéc	6248	69,05	2735	30,23	65	0,72	6451	71,30	2518	27,83	79
3	TX. Hồng Ngự	3551	47,21	3917	52,08	53	0,70	2940	39,09	4516	60,05	65
4	H. Tân Hồng	4773	55,76	3732	43,60	55	0,64	4573	53,42	3926	45,86	61
5	H. Hồng Ngự	6125	50,32	6009	49,36	39	0,32	5866	48,19	6257	51,40	50
6	H. Tam Nông	5061	53,22	4423	46,51	25	0,26	4114	43,26	5355	56,32	40
7	H. Thanh Bình	6826	51,17	6473	48,53	40	0,30	5513	41,33	7774	58,28	52
8	H Cao Lãnh	8353	53,21	7312	46,58	34	0,22	6441	41,03	9210	58,67	48
9	H. Tháp Mười	7274	61,46	4419	37,34	142	1,20	6541	55,27	5135	43,39	159
10	H. Lấp Vò	9781	68,37	4494	31,41	31	0,22	8974	62,73	5287	36,96	45
11	H. Lai Vung	7786	59,06	5318	40,34	80	0,61	7202	54,63	5873	44,55	109
12	H. Châu Thành	7308	63,98	4041	35,38	73	0,64	6870	60,15	4459	39,04	93
TỔNG		82286	58,93	56659	40,58	679	0,49	74163	53,12	64605	46,27	856

Ghi chú:

1. Những kết quả nổi bật

- Thực hiện tốt việc đánh giá HS tiểu học theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ GDE Quy định đánh giá HS tiểu học và đã thực hiện các hồ sơ có liên quan.

- Chất lượng giáo dục toàn diện có chuyển biến tích cực và phát triển vững chắc, cụ thể: môn Tiếng Việt tỉ lệ HS chưa thành giảm 0,14%, môn Toán tỉ lệ HS chưa hoàn thành giảm 0,03%.

2. Những tồn tại, bất cập

Chất lượng giáo dục còn có khoảng cách, chênh lệch giữa các địa bàn. Tuy đã quan tâm, đầu tư và thực hiện nhiều giải pháp để xây dựng môi trường dạy học ngoại ngữ nhưng chất lượng dạy học ngoại ngữ chưa đáp ứng được so với yêu cầu.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

àn thành
Tỉ lệ
0,42
0,87
0,86
0,71
0,41
0,42
0,39
0,31
1,34
0,31
0,83
0,81
0,61

ĐT về

ti hoàn

lãi pháp

HÁP

PHỤ LỤC 9
(Kèm theo công văn số: 76/BC-SGDĐT ngày 14/6/2018)

BÁO CÁO
Kết quả về năng lực
Năm học: 2017-2018

TT	Huyện	Tự phục vụ, tự quản						Hợp tác						Tự học và giải quyết vấn đề			
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	TP. Cao Lãnh	10529	80,818	2499	19,18	0	0,00	10536	80,872	2492	19,13	0	0,00	10322	79,23	2706	20,771
2	TP. Sa Đéc	6865	75,873	2179	24,08	4	0,04	6757	74,679	2287	25,28	4	0,04	6647	73,46	2396	26,481
3	TX. Hồng Ngự	3417	45,433	4099	54,50	5	0,07	3361	44,688	4155	55,25	5	0,07	3276	43,56	4240	56,375
4	H. Tân Hồng	5554	64,88	3006	35,12	0	0,00	5554	64,88	3006	35,12	0	0,00	5481	64,03	3079	35,97
5	H. Hồng Ngự	6079	49,94	6094	50,06	0	0,00	6000	49,29	6173	50,71	0	0,00	5890	48,39	6283	51,61
6	H. Tam Nông	5863	61,66	3646	38,34	0	0,00	5770	60,68	3739	39,32	0	0,00	5563	58,50	3946	41,5
7	H. Thanh Bình	7659	57,42	5674	42,54	6	0,04	7580	56,83	5754	43,14	5	0,04	7477	56,05	5857	43,91
8	H Cao Lãnh	8218	52,35	7481	47,65	0	0,00	8146	51,89	7553	48,11	0	0,00	7914	50,41	7785	49,59
9	H. Tháp Mười	8112	68,542	3721	31,44	2	0,02	7987	67,486	3846	32,50	2	0,02	7683	64,92	4150	35,065
10	H. Lấp Vò	9979	69,75	4320	30,20	7	0,05	9870	68,99	4429	30,96	7	0,05	9783	68,38	4516	31,57
11	H. Lai Vung	9410	71,37	3759	28,51	15	0,11	9315	70,65	3853	29,22	16	0,12	9228	69,99	3936	29,85
12	H. Châu Thành	8232	72,071	3184	27,88	6	0,05	8138	71,248	3278	28,70	6	0,05	7947	69,58	3469	30,371
TỔNG		89917	64,399	49662	35,57	45	0,03	89014	63,75	50565	36,22	45	0,03	87211	62,46	52363	37,5

Ghi chú:

1. Những kết quả nổi bật

- Giáo viên chú trọng hình thành và phát triển năng lực cho học sinh. Đa số các em có năng lực tốt, tỉ lệ đánh giá về năng lực từ đạt trở lên tăng so với năm học trước.

- Các em có khả năng tự học cao, tự bản thân tham gia có hiệu quả các phong trào, hội thi của ngành. Cụ thể:

- Trong năm, Sở GDĐT phối hợp Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội thi Tin học trẻ cấp tỉnh, có 0 giải Nhất, 01 HS đạt giải Nhì, 02 đạt giải Ba và 07 HS đạt giải Khuyến khích. Đặc biệt, trong Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ 23, năm do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam phối hợp tổ chức tại tỉnh Bắc Ninh có một HS đạt giải Nhì.

- Đội bóng đá tiểu học đạt được hạng Nhất của Khu vực IV tại Đồng Tháp và được đại diện chuẩn bị tham gia cấp quốc gia tại Quảng T

- Tổ chức thành công “Ngày hội giao lưu HS tiểu học” năm học 2017 - 2018, tạo điều kiện cho HS được giao lưu, học tập, vui chơi.

- Trong 7 năm qua, học sinh tiểu học tỉnh Đồng Tháp luôn có mặt trong cuộc thi Vẽ tranh Quốc tế Toyota với chủ đề “Chiếc ô tô mơ ước nhiều giải cao. Năm học 2017 - 2018, Đồng Tháp tiếp tục gặt hái nhiều kết quả đáng được ghi nhận và biểu dương: 02 giải Nhì, 04 giải Ba Khuyến khích.

2. Những tồn tại, bất cập

Một số cha mẹ học sinh vì quá "cứng" con nên ở gia đình còn làm thay học sinh, chưa tạo kiện cho học sinh tự phục vụ.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

đề	
Cân cố gắng	
Số lượng	Tỉ lệ
0	0,00
5	0,06
5	0,07
0	0,00
0	0,00
0	0,00
5	0,04
0	0,00
2	0,02
7	0,05
20	0,15
6	0,05
50	0,04

1 HS đạt
n 2017
yền hình

ri.

ốc” và đạt
t và 02 giải

PHỤ LỤC 10
(Kèm theo công văn số: 76/BC-SGDĐT ngày 14/6/2018)

BÁO CÁO
Kết quả về phẩm chất
Năm học: 2017-2018

TT	Huyện	Chăm học, chăm làm						Tự tin, trách nhiệm			
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	TP. Cao Lãnh	10498	80,58	2530	19,42	0	0,00	10612	81,46	2416	18,54
2	TP. Sa Đéc	6736	74,45	2310	25,53	2	0,02	6711	74,17	2335	25,81
3	TX. Hồng Ngự	3430	45,61	4087	54,34	4	0,05	3396	45,15	4120	54,78
4	H. Tân Hồng	5567	65,04	2993	34,96	0	0,00	5578	65,16	2982	34,84
5	H. Hồng Ngự	6135	50,40	6038	49,60	0	0,00	6181	50,78	5992	49,22
6	H. Tam Nông	5832	61,33	3677	38,67	0	0,00	5831	61,32	3678	38,68
7	H. Thanh Bình	7593	56,92	5744	43,06	2	0,01	7653	57,37	5685	42,62
8	H Cao Lãnh	8123	51,74	7576	48,26	0	0,00	8012	51,04	7687	48,96
9	H. Tháp Mười	7995	67,55	3838	32,43	2	0,02	7937	67,06	3896	32,92
10	H. Lấp Vò	9827	68,69	4475	31,28	4	0,03	9863	68,94	4439	31,03
11	H. Lai Vung	9460	71,75	3720	28,22	4	0,03	9576	72,63	3604	27,34
12	H. Châu Thành	8100	70,92	3316	29,03	6	0,05	8260	72,32	3160	27,67
	ĐỒNG THÁP	89296	63,95	50304	36,03	24	0,02	89610	64,18	49994	35,81

Ghi chú:

1. Những kết quả nổi bật

Học sinh chăm học, chăm làm, tự tin có tinh thần trách nhiệm trong học tập cũng như các hoạt động, biết trung thực, đoàn kết với bạn bè, biết kính trọng thầy cô, cha mẹ, yêu thương bạn bè, người thân. Đa số các em có phẩm chất về phẩm chất từ đạt trở lên tăng so với năm học trước.

2. Những tồn tại, bất cập

Một số học sinh vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên thường nghỉ học theo vụ mùa, theo cha mẹ đi làm ăn xa.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

Cần cố gắng	
Số lượng	Tỉ lệ
0	0,00
2	0,02
5	0,07
0	0,00
0	0,00
0	0,00
1	0,01
0	0,00
2	0,02
4	0,03
4	0,03
2	0,02
20	0,01

c, có tình kỷ luật
tốt, tỉ lệ đánh giá

NG THÁP

PHỤ LỤC 10
(Kèm theo công văn số: 76/BC-SGDĐT ngày 14/6/2018)

Năm học: 2017-2018

BÁO CÁO

Kết quả về phẩm chất

Năm học: 2017-2018

TT	Huyện	Trung thực, kỉ luật						Đoàn kết, yêu thương			
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	TP. Cao Lãnh	10742	82,45	2286	17,55	0	0,00	10843	83,23	2185	16,77
2	TP. Sa Đéc	7012	77,50	2035	22,49	1	0,01	7140	78,91	1907	21,08
3	TX. Hồng Ngự	3537	47,03	3979	52,91	5	0,07	3708	49,30	3808	50,63
4	H. Tân Hồng	5769	67,39	2791	32,61	0	0,00	5821	68,00	2739	32,00
5	H. Hồng Ngự	6480	53,23	5693	46,77	0	0,00	6599	54,21	5574	45,79
6	H. Tam Nông	6190	65,10	3319	34,90	0	0,00	6393	67,23	3116	32,77
7	H. Thanh Bình	7772	58,27	5566	41,73	1	0,01	7901	59,23	5437	40,76
8	H Cao Lãnh	8413	53,59	7286	46,41	0	0,00	8774	55,89	6925	44,11
9	H. Tháp Mười	8330	70,38	3503	29,60	2	0,02	8637	72,98	3195	27,00
10	H. Lấp Vò	10091	70,54	4212	29,44	3	0,02	10270	71,79	4034	28,20
11	H. Lai Vung	9845	74,67	3335	25,30	4	0,03	9936	75,36	3244	24,61
12	H. Châu Thành	8555	74,90	2866	25,09	1	0,01	8785	76,91	2636	23,08
TỔNG		92736	66,42	46871	33,57	17	0,01	94807	67,90	44800	32,09

Ghi chú:

1. Những kết quả nổi bật

Học sinh chăm học, chăm làm, tự tin có tinh thần trách nhiệm trong học tập cũng như các hoạt động, biết trung thực, có đoàn kết với bạn bè, biết kính trọng thầy cô, cha mẹ, yêu thương bạn bè, người thân. Đa số các em có phẩm chất tốt, phẩm chất từ đạt trở lên tăng so với năm học trước.

2. Những tồn tại, bất cập

Một số học sinh vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên thường nghỉ học theo vụ mùa, theo cha mẹ đi làm ăn xa.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG XƯƠNG

Cần cố gắng	
Số lượng	Tỉ lệ
0	0,00
1	0,01
5	0,07
0	0,00
0	0,00
0	0,00
1	0,01
0	0,00
3	0,03
2	0,01
4	0,03
1	0,01
17	0,01

5 tình kỷ luật tốt,
tỉ lệ đánh giá về

G THÁP

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo công văn số: 76/BC-SGDĐT ngày 14/6/2018)

SỐ LIỆU VỀ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI
Năm học 2017-2018 và Dự kiến Năm học 2018-2019

STT	Đơn vị	Tổng số trường	Đã triển khai năm 2017 - 2018						Dự kiến triển khai năm 2018 - 2019					
			Số trường		Số lớp		Số học sinh		Số trường		Số lớp		Số học	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	
1	TP. Cao Lãnh	27	1	3,70	9	2,14	279	2,14	1	3,70	12	2,86	360	
2	TP. Sa Đéc	14	2	14,29	19	7,34	570	6,30	2	14,29	19	7,34	570	
3	TX. Hồng Ngự	13	0	0,00	0	0,00	0	0,00	5	38,46	26	9,15	748	
4	H. Tân Hồng	24	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	
5	H. Hồng Ngự	30	1	3,33	7	1,41	195	1,60	1	3,33	7	1,41	195	
6	H. Tam Nông	27	1	3,70	6	1,49	183	1,92	1	3,70	6	1,49	183	
7	H. Thanh Bình	32	1	3,13	9	1,63	235	1,76	1	3,13	9	1,63	237	
8	H. Cao Lãnh	34	1	2,94	10	1,69	315	2,01	1	2,94	10	1,69	285	
9	H. Tháp Mười	30	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	
10	H. Lấp Vò	30	1	3,33	8	1,58	220	1,54	1	3,33	8	1,58	220	
11	H. Lai Vung	25	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	
12	H. Châu Thành	25	1	4,00	13	3,21	450	3,94	1	4,00	18	4,44	614	
TỔNG		311	9	2,89	81	1,53	2447	1,75	14	4,50	115	2,17	3412	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

c sinh
Tỉ lệ
2,76
6,30
9,95
0,00
1,60
1,92
1,78
1,82
0,00
1,54
0,00
5,38
2,44

PHỤ LỤC 5

(Kèm theo công văn số: 76/BC-SGDĐT ngày 14/6/2018)

**SỐ LIỆU VỀ TRIỂN KHAI DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 1 - CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC
Năm học 2017-2018 và Dự kiến Năm học 2018-2019**

STT	Đơn vị	Tổng số trường	Đã triển khai năm 2017 - 2018						Dự kiến triển khai năm 2018			
			Số trường		Số lớp		Số học sinh		Số trường		Số lớp	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	TP. Cao Lãnh	27	20	74,07	67	15,95	2158	16,56	20	74,07	66	15,71
2	TP. Sa Đéc	14	14	100,00	56	21,62	1971	21,78	14	100,00	51	19,69
3	TX. Hồng Ngự	13	5	38,46	25	8,80	718	9,55	11	84,62	221	77,82
4	H. Tân Hồng	24	3	12,50	12	3,07	309	3,61	0	0,00	0	0,00
5	H. Hồng Ngự	30	10	33,33	38	7,68	852	6,98	10	33,33	26	5,25
6	H. Tam Nông	27	3	11,11	8	1,98	231	2,43	3	11,11	8	1,98
7	H. Thanh Bình	32	7	21,88	29	5,26	766	5,74	7	21,88	29	5,26
8	H Cao Lãnh	34	9	26,47	37	6,27	1150	7,33	10	29,41	40	6,78
9	H. Tháp Mười	30	9	30,00	39	7,44	994	8,39	9	30,00	39	7,44
10	H. Lấp Vò	30	17	56,67	53	10,45	1671	11,68	17	56,67	60	11,83
11	H. Lai Vung	25	3	12,00	11	2,32	342	2,59	0	0,00	0	0,00
12	H. Châu Thành	25	5	20,00	21	5,19	722	6,32	5	20,00	20	4,94
TỔNG		311	105	33,76	396	7,47	11884	8,51	106	34,08	560	10,56

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG T

3 - 2019	
Số học sinh	
Số lượng	Tỉ lệ
2038	15,64
1785	19,72
5915	78,65
0	0,00
936	7,67
240	2,52
766	5,74
1240	7,90
1000	8,44
1800	12,58
0	0,00
710	6,22
16430	11,76

HÁP

PHỤ LỤC 6

(Kèm theo công văn số: 76/BC-SGDĐT ngày 14/6/2018)

SỐ LIỆU VỀ TRIỂN KHAI PHƯƠNG PHÁP BÀN TAY NẶN BỘT
Năm học 2017-2018 và Dự kiến Năm học 2018-2019

STT	Đơn vị	Tổng số trường	Đã triển khai năm 2017 - 2018						Dự kiến triển khai năm 2018			
			Số trường		Số lớp		Số học sinh		Số trường		Số lớp	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	TP. Cao Lãnh	27	27	100	420	100	13033	100	27	100	420	100
2	TP. Sa Đéc	14	14	100	259	100	9051	100	14	100	259	100
3	TX. Hồng Ngự	13	13	100	284	100	7521	100	13	100	284	100
4	H. Tân Hồng	24	24	100	391	100	8560	100	24	100	391	100
5	H. Hồng Ngự	30	30	100	495	100	12202	100	30	100	495	100
6	H. Tam Nông	27	27	100	404	100	9509	100	27	100	404	100
7	H. Thanh Bình	32	32	100	551	100	13342	100	32	100	551	100
8	H Cao Lãnh	34	34	100	590	100	15699	100	34	100	590	100
9	H. Tháp Mười	30	30	100	524	100	11851	100	30	100	524	100
10	H. Lấp Vò	30	30	100	507	100	14306	100	30	100	507	100
11	H. Lai Vung	25	25	100	474	100	13184	100	25	100	474	100
12	H. Châu Thành	25	25	100	405	100	11422	100	25	100	405	100
ĐỒNG THÁP		311	311	100	5304	100	139680	100	311	100	5304	100

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

Số học sinh	
Số lượng	Tỉ lệ
13033	100
9051	100
7521	100
8560	100
12202	100
9509	100
13342	100
15699	100
11851	100
14306	100
13184	100
11422	100
139680	100

PHỤ LỤC 7

(Kèm theo công văn số: 76/BC-SGDĐT ngày 14/6/2018)

SỐ LIỆU VỀ TRIỂN KHAI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MĨ THUẬT MỚI CỦA ĐAN MẠCH
Năm học 2017-2018 và Dự kiến Năm học 2018-2019

ST T	Phòng GDĐT	Tổng số trường	Đã triển khai năm 2017 - 2018						Dự kiến triển khai năm 2018			
			Số trường		Số lớp		Số học sinh		Số trường		Số lớp	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	TP. Cao Lãnh	27	27	100	420	100	13033	100	27	100	420	100
2	TP. Sa Đéc	14	14	100	259	100	9051	100	14	100	259	100
3	TX. Hồng Ngự	13	13	100	284	100	7521	100	13	100	284	100
4	H. Tân Hồng	24	24	100	391	100	8560	100	24	100	391	100
5	H. Hồng Ngự	30	30	100	495	100	12202	100	30	100	495	100
6	H. Tam Nông	27	27	100	404	100	9509	100	27	100	404	100
7	H. Thanh Bình	32	32	100	551	100	13342	100	32	100	551	100
8	H Cao Lãnh	34	34	100	590	100	15699	100	34	100	590	100
9	H. Tháp Mười	30	30	100	524	100	11851	100	30	100	524	100
10	H. Lấp Vò	30	30	100	507	100	14306	100	30	100	507	100
11	H. Lai Vung	25	25	100	474	100	13184	100	25	100	474	100
12	H. Châu Thành	25	25	100	405	100	11422	100	25	100	405	100
TỔNG		311	311	100	5304	100	139680	100	311	100	5304	100

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG TH

- 2019	
Số học sinh	
Số lượng	Tỉ lệ
13033	100
9051	100
7521	100
8560	100
12202	100
9509	100
13342	100
15699	100
11851	100
14306	100
13184	100
11422	100
139680	100

LÁP